

NĂNG LỰC CÔNG DÂN TOÀN CẦU CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Ngọc Ánh*✉

Nguyễn Khánh Linh

Đặng Thùy Linh

Nhận bài: 05/07/2025; Nhận kết quả bình duyệt: 28/08/2025; Chấp nhận đăng: 26/09/2025

©2025 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt:

Nghiên cứu khảo sát mức độ nhận thức năng lực công dân toàn cầu của sinh viên Đại học Thăng Long, dựa trên bốn thành phần cốt lõi: nhận thức đa văn hóa, kỹ năng giao tiếp quốc tế, thái độ hội nhập và trải nghiệm thực tiễn. Phương pháp nghiên cứu bao gồm khảo sát trực tuyến kết hợp phân tích tài liệu nghiên cứu nhằm đánh giá nhận thức cũng như mức độ tích hợp yếu tố toàn cầu trong chương trình đào tạo và đề xuất một số giải pháp phù hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên có nhận thức rõ ràng và thái độ tích cực đối với các vấn đề toàn cầu, song kỹ năng thực hành và cơ hội trải nghiệm quốc tế còn hạn chế do chương trình đào tạo, các hoạt động ngoại khóa và cơ chế hỗ trợ chưa đáp ứng đầy đủ. Nghiên cứu đề xuất tích hợp đồng bộ một số học phần có yếu tố toàn cầu vào chương trình đào tạo, đa dạng hóa hoạt động hỗ trợ sinh viên tham gia trải nghiệm quốc tế, qua đó góp phần thúc đẩy tiến trình quốc tế hóa của Nhà trường.

Từ khóa: Công dân toàn cầu, Năng lực công dân toàn cầu, Giáo dục đại học, Toàn cầu hóa

1. MỞ ĐẦU

Thế giới đang đối mặt với nhiều biến động như khủng hoảng khí hậu, đại dịch, bất ổn chính trị, chiến tranh và sự bùng nổ của công nghệ số. Trong bối cảnh ranh giới vật lý dần mờ nhạt và mọi thách thức đều mang tính toàn cầu, khái niệm “công dân toàn cầu” đã trở thành nhu cầu tất yếu, đòi hỏi mỗi cá nhân không chỉ vì bản thân và đất nước mà còn vì trách nhiệm chung với cộng đồng quốc tế. Giáo dục vì thế không chỉ truyền đạt chuyên môn mà còn bồi dưỡng năng lực phản biện, khả năng thích nghi và kỹ năng hợp tác đa văn hóa - những phẩm chất cốt lõi của công dân toàn cầu.

*Trường Đại học Thăng Long, ✉Nguyễn Ngọc Ánh: katerina.rws@gmail.com

Tại Việt Nam, nghiên cứu về năng lực toàn cầu chủ yếu tập trung vào lý luận, chính sách hoặc giáo dục phổ thông, trong khi khảo sát thực trạng ở bậc đại học còn hạn chế. Trường Đại học Thăng Long, với lịch sử tiên phong trong mô hình đại học tự chủ và định hướng quốc tế hóa (Đại học Thăng Long, Sứ mạng-mục tiêu), đã triển khai nhiều hoạt động và có giảng dạy học phần liên quan đến yếu tố toàn cầu. Tuy nhiên, mức độ tích hợp yếu tố toàn cầu trong chương trình chính quy và dữ liệu đánh giá toàn diện vẫn chưa được nghiên cứu sâu.

Nghiên cứu này lựa chọn Trường Đại học Thăng Long làm đối tượng khảo sát, sử dụng phương pháp định lượng để đánh giá nhận thức, kỹ năng, thái độ và trải nghiệm của sinh viên; phân tích mức độ tích hợp yếu tố toàn cầu trong chương trình; so sánh với một số chương trình trong nước và quốc tế; đề xuất giải pháp cải tiến phù hợp. Mục tiêu là nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, tăng cường trải nghiệm quốc tế, giúp sinh viên tự tin hội nhập, đồng thời cung cấp cơ sở dữ liệu giúp xây dựng chiến lược quốc tế hóa giáo dục đại học của Nhà trường.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Khái niệm năng lực toàn cầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sâu rộng, năng lực toàn cầu đã trở thành một khái niệm trung tâm trong giáo dục hiện đại, đặc biệt là trong các chính sách và chương trình đào tạo hướng đến phát triển công dân toàn cầu. Đây không chỉ là một năng lực cá nhân mà còn là biểu hiện của trách nhiệm xã hội và tinh thần hội nhập trong thế kỷ 21.

Theo Khung năng lực công dân toàn cầu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD, PISA 2018), năng lực toàn cầu là năng lực “hiểu, khám phá, đánh giá các vấn đề và quan điểm khác nhau trên thế giới; giao tiếp hiệu quả và tôn trọng với người đến từ các nền văn hóa khác; chủ động hành động vì sự phát triển bền vững và hạnh phúc chung”. OECD nhấn mạnh bốn thành tố không thể tách rời của năng lực toàn cầu, bao gồm: kiến thức (knowledge), kỹ năng (skills), thái độ (attitudes) và giá trị (values), được thể hiện cụ thể qua bốn hành động: (1) khám phá và phân tích vấn đề toàn cầu, (2) hiểu và đánh giá các quan điểm khác nhau, (3) giao tiếp và hợp tác xuyên văn hóa, và (4) hành động vì lợi ích chung.

Ngoài ra, trung tâm Giáo dục Châu Á-Thái Bình Dương vì sự Hiểu biết Quốc tế (APCEIU, 2018) - trực thuộc UNESCO, cũng định nghĩa năng lực toàn cầu là tập hợp các kiến thức, kỹ năng, giá trị và thái độ giúp cá nhân hiểu, tôn trọng sự đa dạng, và tham gia có trách nhiệm vào các vấn đề ở cấp độ địa phương, quốc gia và toàn cầu. Theo APCEIU, năng lực này không chỉ nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các nền văn hóa, mà còn thúc đẩy công dân hành động một cách có trách nhiệm và dựa

trên các nguyên tắc công bằng, hòa bình, nhân quyền và phát triển bền vững. Trong khuôn khổ Giáo dục Công dân Toàn cầu (GCED), UNESCO xem năng lực toàn cầu là sự tích hợp gồm kiến thức, kỹ năng, giá trị và thái độ nhằm trao quyền cho người học trở thành những “công dân toàn cầu” có tư duy phản biện, hiểu biết liên văn hóa, và sẵn sàng hành động để giải quyết các thách thức chung của nhân loại (UNESCO, 2015). GCED nhấn mạnh việc phát triển năng lực này thông qua giáo dục, giúp người học nhận thức được mối liên kết giữa cộng đồng địa phương và toàn cầu, từ đó đóng góp tích cực vào hòa bình và sự thịnh vượng chung.

Từ những tiếp cận trên, có thể khẳng định năng lực toàn cầu là một năng lực tổng hợp, hình thành từ sự gắn kết chặt chẽ giữa kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị, giúp cá nhân không chỉ nhận diện và phân tích các vấn đề ở bình diện địa phương, toàn cầu và liên văn hóa, mà còn biết cách tôn trọng sự khác biệt, hợp tác hiệu quả và hành động vì lợi ích chung. Đây không chỉ là điều kiện để mỗi người thành công trong học tập và nghề nghiệp, mà còn là nền tảng để kiến tạo một xã hội công bằng, bao dung và phát triển bền vững.

2.2 Các yếu tố cấu thành năng lực toàn cầu

Năng lực toàn cầu là một năng lực tổng hợp, bao gồm nhiều thành tố đan xen và hỗ trợ lẫn nhau. Theo khung năng lực của OECD (2018), cũng như các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục công dân toàn cầu của GCED (2015) và APCEIU (2018), có thể xác định bốn nhóm yếu tố cơ bản và then chốt tạo nên năng lực toàn cầu của người học, đặc biệt là sinh viên đại học trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng như sau:

Thứ nhất, khả năng phân tích các vấn đề ở cấp độ địa phương, toàn cầu và liên văn hoá

Yếu tố đầu tiên của năng lực toàn cầu là khả năng phân tích các vấn đề địa phương, toàn cầu và liên văn hóa. Sinh viên cần nhận diện các vấn đề lớn như biến đổi khí hậu, bất bình đẳng xã hội, xung đột dân tộc-tôn giáo, khủng hoảng di cư, an ninh mạng hay năng lượng, đồng thời hiểu mối liên hệ phức tạp giữa chúng trong hệ thống toàn cầu. Tư duy phản biện và tư duy hệ thống giúp sinh viên phân tích nguyên nhân-hệ quả, đánh giá thông tin một cách có hệ thống và xây dựng quan điểm dựa trên bằng chứng, từ đó hình thành cách nhìn đa chiều và hành động có trách nhiệm.

Thứ hai, hiểu và tôn trọng quan điểm cũng như thế giới quan của người khác

Hiểu và tôn trọng quan điểm cũng như thế giới quan của người khác là một yếu tố quan trọng của năng lực toàn cầu. Năng lực này không chỉ đòi hỏi cá nhân nắm bắt được nội dung và ý nghĩa của những góc nhìn khác biệt, mà còn bao gồm khả năng nhận thức bối cảnh văn hóa, xã hội và cá nhân hình thành nên các quan

điểm đó. Việc tôn trọng các giá trị đa dạng giúp sinh viên tránh được những định kiến chủ quan, mở rộng tầm nhìn, đồng thời xây dựng khả năng tương tác hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, qua đó thúc đẩy sự hợp tác, tôn trọng lẫn nhau và đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề toàn cầu một cách sáng suốt.

Thứ ba, tương tác cởi mở, phù hợp và hiệu quả giữa các nền văn hóa

Tương tác cởi mở, phù hợp và hiệu quả giữa các nền văn hóa là một kỹ năng thiết yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa. Kỹ năng này yêu cầu cá nhân chủ động lắng nghe, thể hiện sự tôn trọng đối với chuẩn mực và giá trị văn hóa của đối phương, đồng thời điều chỉnh cách giao tiếp để phù hợp với bối cảnh. Việc duy trì sự cởi mở giúp tạo không gian cho đối thoại chân thành, còn tính phù hợp bảo đảm rằng hành vi và ngôn từ không gây hiểu nhầm hay xúc phạm. Hiệu quả của tương tác thể hiện qua việc đạt được sự hiểu biết chung, giải quyết xung đột một cách hòa bình và xây dựng các mối quan hệ bền vững, qua đó góp phần hình thành môi trường hợp tác quốc tế, thúc đẩy trao đổi tri thức và tăng cường sự thấu hiểu giữa các cộng đồng đa dạng về văn hóa.

Thứ tư, hành động vì lợi ích chung và sự phát triển bền vững.

Hành động vì lợi ích chung và phát triển bền vững đòi hỏi mỗi cá nhân nhận thức các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, bất bình đẳng xã hội hay cạn kiệt tài nguyên, từ đó chủ động thực hiện những hành động thiết thực vì lợi ích cộng đồng. Việc cân bằng nhu cầu hiện tại với khả năng đáp ứng của các thế hệ tương lai giúp bảo vệ tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, góp phần xây dựng xã hội hài hòa và thịnh vượng.

Bốn yếu tố cấu thành năng lực toàn cầu nêu trên bổ trợ lẫn nhau, giúp sinh viên thích ứng và đóng góp tích cực trong bối cảnh toàn cầu hóa. Rèn luyện đồng thời các yếu tố này không chỉ nâng cao năng lực học tập và nghề nghiệp, mà còn hình thành trách nhiệm xã hội, tinh thần hội nhập và khả năng trở thành công dân toàn cầu có ý thức, sáng tạo và cam kết vì hòa bình, công bằng và phát triển bền vững.

2.3. Tổng quan nghiên cứu

Trong hơn một thập niên trở lại đây, khái niệm “năng lực toàn cầu” đã thu hút sự quan tâm đặc biệt từ các tổ chức quốc tế và giới nghiên cứu giáo dục như một năng lực cốt lõi cần được phát triển trong thế kỷ 21. Ở cấp độ quốc tế, tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) là một trong những đơn vị tiên phong xây dựng khung năng lực toàn cầu với mục tiêu đo lường và phát triển năng lực này trong giáo dục phổ thông và đại học. Theo OECD (2018), năng lực toàn cầu bao gồm bốn nhóm năng lực chính được nêu ở trên. Khung năng lực này được xem như một công

cụ định hướng giáo dục nhằm xây dựng thể hệ công dân toàn cầu có khả năng thích ứng linh hoạt và có trách nhiệm xã hội trong một thế giới ngày càng phức tạp và đầy biến động như hiện nay.

Fernando Reimers (2009) cũng đóng góp nghiên cứu đáng chú ý về giáo dục công dân toàn cầu, nhấn mạnh vai trò của giáo dục trong việc nuôi dưỡng tư duy mở, khả năng phản biện, năng lực hành động xã hội và phát triển bền vững. Nghiên cứu cho thấy việc phát triển năng lực toàn cầu cần gắn với cải cách chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, đồng thời khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia vào các hoạt động học tập trải nghiệm và liên ngành. Tuy nhiên, hầu hết các mô hình lý thuyết và thực hành về năng lực toàn cầu chủ yếu được phát triển và triển khai trong bối cảnh các nước phát triển như Hoa Kỳ, Anh, Nhật Bản hoặc các nước thuộc khối OECD. Do đó, khi áp dụng vào các nước đang phát triển như Việt Nam, việc điều chỉnh nội dung, phương pháp tiếp cận và chiến lược thực thi sao cho phù hợp với đặc thù văn hóa – xã hội và điều kiện nguồn lực là điều vô cùng cần thiết.

Tại Việt Nam, đào tạo công dân toàn cầu là một nhiệm vụ quan trọng, được cụ thể hóa trong nhiều chính sách giáo dục, điển hình như Quyết định 404/QĐ-TTg (2015) của Thủ tướng chính phủ và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các văn bản này nhấn mạnh phát triển toàn diện con người, hướng tới phẩm chất, năng lực và ý thức công dân toàn cầu, đồng thời trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để thích ứng với đa dạng văn hóa, giữ gìn bản sắc dân tộc và thúc đẩy phát triển bền vững. Một số trường phổ thông, như Vinschool, đã tích hợp môn giáo dục công dân toàn cầu vào chương trình học và tăng cường hoạt động trải nghiệm, giúp học sinh không chỉ phát triển năng lực học thuật mà còn hình thành khả năng ứng xử và hành động có trách nhiệm.

Các nghiên cứu của Bùi Diệu Quỳnh (2019) trên Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam với tiêu đề “Nghiên cứu giáo dục công dân toàn cầu của một số quốc gia Châu Á” và của Bùi Lan Hương (2024) với công trình “Xu thế công dân toàn cầu và những vấn đề đặt ra đối với việc giáo dục công dân toàn cầu ở Việt Nam” trên Chuyên san Khoa học Giáo dục, đều khẳng định tầm quan trọng của giáo dục công dân toàn cầu. Tuy nhiên, hai nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào bậc giáo dục phổ thông và giáo dục nói chung, chưa đi sâu phân tích các vấn đề liên quan đến giáo dục đại học.

Bài nghiên cứu đăng trên Tạp chí cộng sản của Trần Thị Minh Tuyết (2022) tuy không đề cập đến thuật ngữ “năng lực công dân toàn cầu” và không mô tả chi tiết các năng lực của công dân toàn cầu nhưng nội dung phản ánh quan điểm của Việt Nam là cam kết xây dựng công dân toàn cầu thông qua giáo dục. Ngoài ra, bài viết “Làm gì để trở thành công dân toàn cầu? Những năng lực cần có” đăng trên Báo Thanh Niên (2023) đã bước đầu chỉ ra một số yếu tố nền tảng mà sinh viên Việt

Nam cần rèn luyện, bao gồm tư duy cởi mở, nhận thức toàn cầu, khả năng sử dụng ngoại ngữ, thành thạo công nghệ thông tin, và năng lực thích ứng trong môi trường học tập và làm việc đa văn hóa. Đây là những nhận định có giá trị định hướng, song vẫn mang tính mô tả tổng quát và chưa có sự phân tích chuyên sâu về từng nhóm năng lực.

Một số nghiên cứu gần đây cũng đề cập các yếu tố liên quan đến năng lực toàn cầu, tuy nhiên mới chỉ tiếp cận ở một số khía cạnh riêng lẻ. Ví dụ, Nguyễn Hoài Khánh (2023) trong bài viết “Phát triển văn hóa trường đại học trong bối cảnh toàn cầu hóa” đã vận dụng mô hình ba tầng của Edgar H. Schein để phân tích văn hóa tổ chức trong các trường đại học Việt Nam. Tác giả nhấn mạnh vai trò của lãnh đạo nhà trường và giảng viên trong việc bảo tồn các giá trị truyền thống, đồng thời thúc đẩy đổi mới văn hóa trường học theo hướng quốc tế hóa. Tuy không đi sâu vào năng lực cá nhân của sinh viên, nghiên cứu góp phần đặt nền móng cho việc xây dựng môi trường học tập có tính toàn cầu – một yếu tố quan trọng trong việc phát triển năng lực công dân toàn cầu. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Lu Tùng Thanh & Nguyễn Thành Nhân (2022) đăng trên Tạp chí Khoa học Giáo dục với tiêu đề “Cơ sở khoa học của vấn đề phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên trong chương trình đào tạo đại học” đã khảo sát thực trạng đào tạo kỹ năng mềm tại Việt Nam và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao khả năng thích nghi, giao tiếp và làm việc nhóm cho sinh viên. Tuy nghiên cứu không trực tiếp đề cập đến khái niệm năng lực toàn cầu, nhưng các nội dung được đề cập như giao tiếp, hợp tác, thích nghi và phản biện đều là những thành phần thiết yếu liên quan đến năng lực này.

Các nghiên cứu trên mặc dù đã có những đóng góp quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn, các công trình hiện nay ở Việt Nam chủ yếu tập trung vào từng yếu tố riêng lẻ như kỹ năng mềm, văn hóa tổ chức. Hiện chưa có nhiều nghiên cứu mang tính toàn diện, khảo sát thực nghiệm về năng lực công dân toàn cầu của sinh viên tại một cơ sở giáo dục đại học cụ thể, đặc biệt là nghiên cứu kết hợp cả bốn thành phần cốt lõi của năng lực toàn cầu theo OECD – bao gồm: nhận thức, kỹ năng, thái độ và trải nghiệm thực tiễn. Khoảng trống này đặt ra nhu cầu cấp thiết cho các nghiên cứu ứng dụng nhằm đo lường thực trạng, xác định nhu cầu và đề xuất chiến lược phát triển năng lực toàn cầu trong môi trường giáo dục đại học tại Việt Nam.

Xuất phát từ thực tế đó, nghiên cứu này được thực hiện tại Trường Đại học Thăng Long – một trường đại học tư thục định hướng ứng dụng trên địa bàn Hà Nội, nhằm một số mục đích sau đây: (1) đánh giá thực trạng nhận thức, kỹ năng, thái độ và mức độ trải nghiệm thực tiễn của sinh viên liên quan đến năng lực công dân toàn cầu; (2) khảo sát chương trình đào tạo để kiểm tra mức độ tích hợp yếu tố tốt toàn cầu; (3) đề xuất các giải pháp mang tính hệ thống góp phần thúc đẩy chiến lược quốc tế hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của nhà trường theo chuẩn

quốc tế. Bằng cách tiếp cận này, nghiên cứu không chỉ làm rõ thực trạng nhận thức về năng lực toàn cầu của sinh viên đại học Thăng Long mà còn cung cấp cơ sở dữ liệu và đưa ra một số đề xuất trong quá trình chỉnh sửa chương trình đào tạo cũng như xây dựng các chương trình liên kết có yếu tố quốc tế của Nhà trường.

2.4. Tầm quan trọng của năng lực toàn cầu trong giáo dục đại học tại Việt Nam

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, sự phụ thuộc và nhu cầu kết nối giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ ngày một gia tăng, do đó năng lực toàn cầu đã trở thành một yêu cầu thiết yếu đặc biệt với nguồn nhân lực chất lượng cao. Giáo dục đại học, với vai trò là nơi đào tạo thế hệ trí thức, chuyên gia và nhà lãnh đạo tương lai, cần ưu tiên phát triển năng lực này nhằm đáp ứng những đòi hỏi của xã hội toàn cầu hóa. Năng lực toàn cầu giúp sinh viên không chỉ nắm bắt tri thức chuyên môn mà còn có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề có tính chất địa phương, toàn cầu và liên văn hóa; thấu hiểu và tôn trọng các góc nhìn, hệ giá trị khác nhau; tương tác hiệu quả, và chủ động hành động vì sự phát triển bền vững và lợi ích chung của cộng đồng.

Trên bình diện quốc tế, giáo dục đại học được kỳ vọng không chỉ cung cấp tri thức hàn lâm mà còn hình thành cho người học các phẩm chất cần thiết để chung sống hài hòa trong xã hội đa văn hóa, nâng cao năng lực thích ứng trong thị trường lao động toàn cầu, sử dụng công nghệ và phương tiện truyền thông một cách có trách nhiệm, đồng thời góp phần thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc (2015). Theo đó, các trường đại học đóng vai trò quan trọng trong việc thiết kế chương trình đào tạo, môi trường học tập và các hoạt động ngoại khóa giúp sinh viên được tiếp cận, trải nghiệm và rèn luyện năng lực toàn cầu một cách toàn diện.

Tại Việt Nam, tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ và truyền thông số đặt ra yêu cầu cấp bách về đổi mới giáo dục đại học. Các trường đại học Việt Nam đang hướng tới nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn khu vực và quốc tế, mở rộng hợp tác học thuật, trao đổi sinh viên và giảng viên, đồng thời tăng cường các chương trình đào tạo song ngữ, liên kết quốc tế. Tuy nhiên, thực tế cho thấy năng lực toàn cầu của sinh viên Việt Nam vẫn chưa được chú trọng một cách hệ thống trong chương trình đào tạo chính khóa, dẫn tới hạn chế trong khả năng giao tiếp liên văn hóa, tư duy phản biện về các vấn đề toàn cầu và khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa quốc gia.

Do đó, việc tích hợp phát triển năng lực toàn cầu vào giáo dục đại học Việt Nam vừa là xu thế tất yếu, vừa là chiến lược quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực quốc gia. Điều này không chỉ giúp sinh viên thích ứng và

thành công trong môi trường toàn cầu hóa, mà còn đóng góp vào việc xây dựng một đất nước Việt Nam hội nhập, sáng tạo và phát triển bền vững.

3. THỰC TRẠNG NĂNG LỰC TOÀN CẦU CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC THĂNG LONG

3.1. Đối tượng và phương pháp khảo sát

Đối tượng nghiên cứu bao gồm sinh viên hiện tại và cựu sinh viên mới tốt nghiệp của Trường Đại học Thăng Long, thuộc nhiều nhóm ngành như Công nghệ Thông tin, Kinh tế – Quản lý, Ngoại ngữ, Du lịch, Khoa học Xã hội và Nhân văn, nhằm đảm bảo tính đại diện và phản ánh thực trạng phát triển năng lực công dân toàn cầu trong môi trường học thuật đa ngành.

Nhóm nghiên cứu tổng hợp và phân tích các tài liệu học thuật quốc tế từ UNESCO, OECD, PISA, APCEIU, cùng các nghiên cứu trong nước và bài báo chuyên đề để xây dựng nền tảng lý luận, làm rõ khái niệm, cấu trúc và đặc trưng của năng lực công dân toàn cầu, đồng thời đề xuất giải pháp phù hợp với đặc thù của nhà trường.

Khảo sát định lượng được thực hiện trực tuyến thông qua bảng hỏi Likert 5 mức độ, tập trung vào nhận thức về toàn cầu hóa, kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, tư duy phản biện, thái độ hội nhập và trải nghiệm quốc tế, cùng nhu cầu học tập các môn liên quan đến GCED. Tổng cộng 100 bảng khảo sát hợp lệ đã được xử lý bằng phần mềm SPSS, phân tích thống kê mô tả và kiểm định độ tin cậy thang đo (Cronbach's Alpha > 0.7).

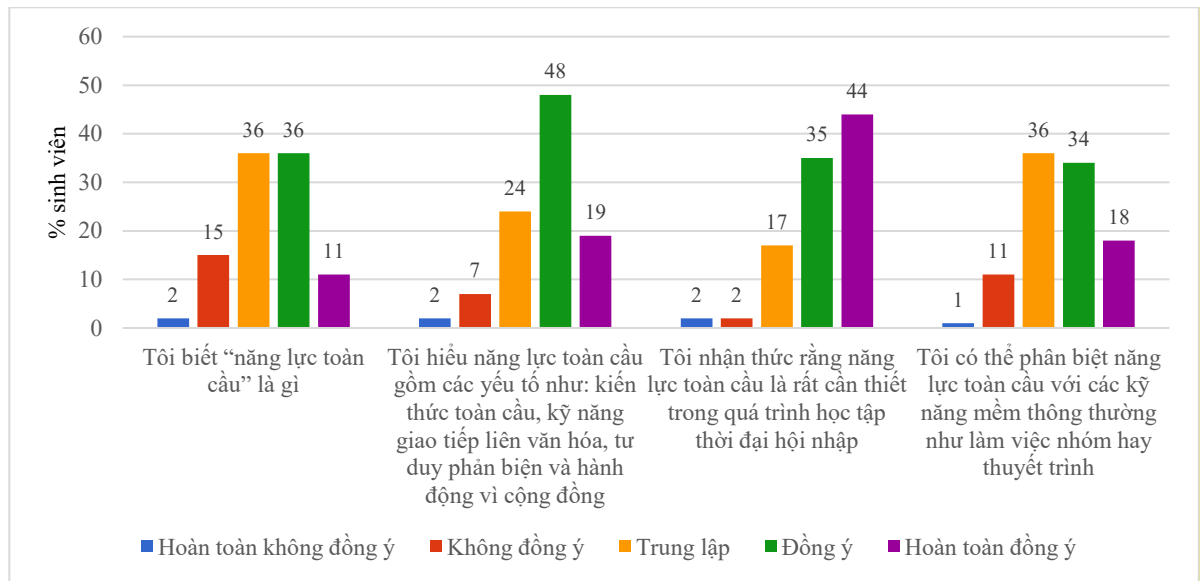
Ngoài khảo sát thực tiễn, nghiên cứu đối chiếu với một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước liên quan đến yếu tố toàn cầu – những đơn vị giáo dục tích hợp GCED vào giáo dục đại học thông qua cải tiến chương trình. Trên cơ sở tích hợp kết quả khảo sát và phân tích lý luận, nhóm nghiên cứu hệ thống hóa thực trạng phát triển năng lực toàn cầu, hướng tới xây dựng một khung đề xuất khả thi và có giá trị ứng dụng cao, giúp cải tiến chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế của Đại học Thăng Long.

3.2. Phân tích kết quả khảo sát

Căn cứ vào kết quả khảo sát 100 sinh viên đang theo học tại Trường Đại học Thăng Long, nghiên cứu đã thu thập được dữ liệu dựa trên bốn yếu tố chính có tham khảo khung năng lực toàn cầu của OECD (2018), đó là nhận thức, kỹ năng, thái độ và trải nghiệm thực tiễn.

3.2.1. Nhận thức về năng lực toàn cầu

Biểu đồ 1. Mức độ nhận thức của sinh viên đối với năng lực toàn cầu



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

Với câu hỏi liên quan đến mức độ nhận thức của sinh viên đối với năng lực toàn cầu, kết quả khảo sát cho thấy sinh viên có nhận thức tương đối tích cực và rõ ràng về các vấn đề toàn cầu cũng như tầm quan trọng của năng lực toàn cầu trong việc học và phát triển cá nhân. Cụ thể, điểm trung bình đạt 3.72/5 trên thang đo Likert cho thấy phần lớn sinh viên đã ý thức được vai trò của toàn cầu hóa trong đời sống hiện đại, đồng thời có xu hướng quan tâm đến các vấn đề vượt ra ngoài phạm vi quốc gia. Đáng chú ý, có tới 79% sinh viên cho biết họ đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng năng lực toàn cầu là yếu tố thiết yếu trong quá trình học tập, rèn luyện và định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Tỷ lệ này cho thấy mức độ nhận thức khá cao về vai trò của năng lực toàn cầu như một yêu cầu tất yếu không chỉ trong môi trường đại học mà còn trên thị trường lao động quốc tế hiện nay.

Ngoài ra, khoảng 67% sinh viên khẳng định họ hiểu rõ các yếu tố cấu thành năng lực toàn cầu, bao gồm kiến thức về các vấn đề toàn cầu (biến đổi khí hậu, bất bình đẳng xã hội, an ninh lương thực v.v.), kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, tư duy phân biện, khả năng thích nghi trong môi trường đa văn hóa và tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng quốc tế. Tỷ lệ này cho thấy phần lớn sinh viên không chỉ biết đến khái niệm mà còn có sự hiểu biết nhất định về nội dung các thành tố cấu thành năng lực toàn cầu. Tuy vậy, con số này cũng đồng nghĩa vẫn còn khoảng 33% sinh viên chưa nắm vững đầy đủ mọi thành tố của năng lực này, phản ánh khoảng trống trong hiểu biết của một bộ phận sinh viên.

Đặc biệt, tỷ lệ sinh viên có khả năng phân biệt giữa năng lực toàn cầu và các kỹ năng mềm thông thường (ví dụ như kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, quản lý thời gian v.v.) cũng ở mức khả quan. Đây là một điểm sáng đáng ghi nhận, bởi nó

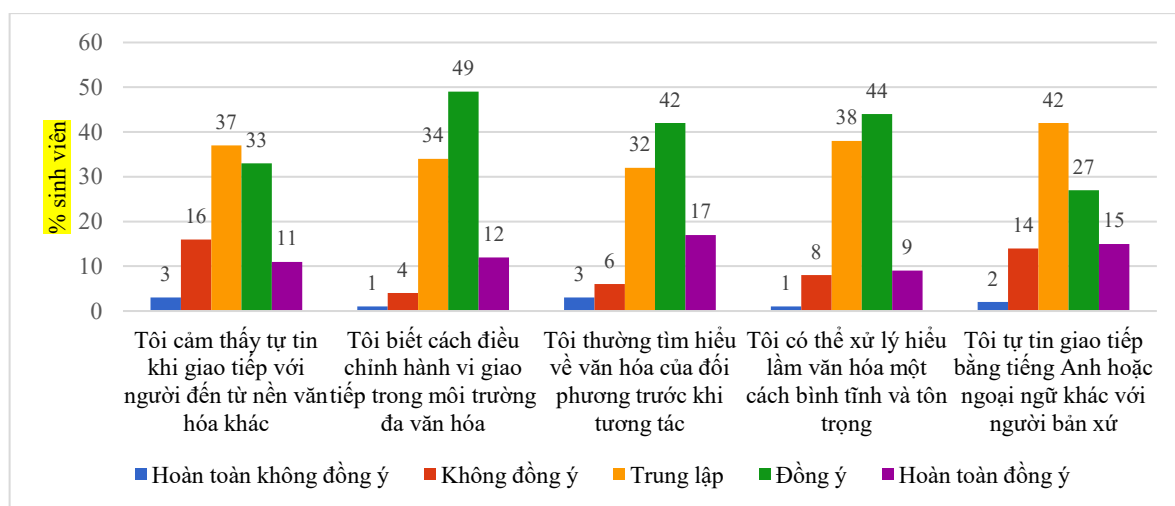
phản ánh sự phát triển về mặt nhận thức – khi sinh viên có thể phân tích và đánh giá được sự khác biệt giữa một năng lực mang tính hệ thống, bao trùm như năng lực toàn cầu với các kỹ năng cơ bản khác. Nhận thức rõ ràng về nội hàm của khái niệm năng lực toàn cầu là nền tảng quan trọng giúp sinh viên xác định đúng mục tiêu phát triển bản thân, cũng như có định hướng cụ thể trong việc lựa chọn các hoạt động học thuật, xã hội hoặc nghề nghiệp mang yếu tố quốc tế.

Bên cạnh những điểm sáng về nhận thức nêu trên, vẫn có một số sinh viên chưa phân biệt được rõ năng lực toàn cầu với các kỹ năng mềm thông thường. Điều này cho thấy khái niệm năng lực toàn cầu đối với nhóm sinh viên này còn khá mới mẻ hoặc chưa được nhấn mạnh đúng mức trong quá trình đào tạo.

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên đã bước đầu hình thành được nền tảng nhận thức về năng lực toàn cầu, thể hiện qua sự quan tâm đến các vấn đề vượt ngoài phạm vi quốc gia và khả năng tiếp cận khái niệm ở mức hệ thống. Tuy nhiên, sự chênh lệch trong mức độ hiểu biết giữa các nhóm cho thấy năng lực này vẫn chưa được nhận diện một cách toàn diện. Điều này cho thấy nhận thức của sinh viên tuy tích cực nhưng vẫn chưa toàn diện, cần được tiếp tục củng cố và mở rộng hơn trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

3.2.2. Kỹ năng giao tiếp liên văn hóa

Biểu đồ 2. Mức độ kỹ năng giao tiếp liên văn hóa của sinh viên



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

Với câu hỏi liên quan đến kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa – một trong những thành tố cốt lõi của năng lực toàn cầu, kỹ năng này của sinh viên được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình đạt 3.51/5 trên thang đo Likert. Điều này cho thấy sinh viên Trường Đại học Thăng Long đã bước đầu hình thành được năng lực thích nghi và giao tiếp hiệu quả trong bối cảnh văn hóa đa dạng, mặc dù

vẫn còn khoảng cách nhất định so với yêu cầu của một môi trường giáo dục hướng đến công dân toàn cầu.

Kết quả cụ thể cho thấy khoảng 61% sinh viên cho biết họ có khả năng điều chỉnh hành vi và thái độ để phù hợp với các chuẩn mực văn hóa khác nhau – một biểu hiện quan trọng của năng lực thích ứng văn hóa. Đồng thời, 59% sinh viên thường chủ động tìm hiểu về nền văn hóa của đối phương trước khi giao tiếp. Đây là tín hiệu tích cực, thể hiện tinh thần cầu thị và sự sẵn sàng tương tác có trách nhiệm trong môi trường liên văn hóa. Những kết quả này cho thấy nhà trường đã có định hướng đúng đắn trong việc lồng ghép nội dung và hoạt động rèn luyện kỹ năng giao tiếp liên văn hóa vào chương trình đào tạo.

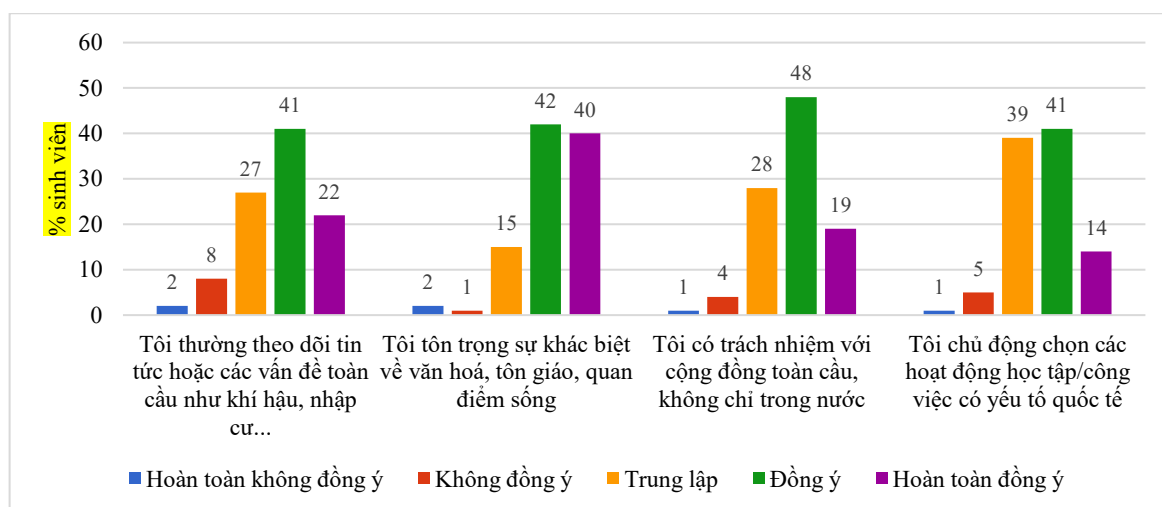
Tuy nhiên, phân tích sâu hơn về mức độ tự tin – yếu tố quan trọng quyết định khả năng áp dụng kỹ năng vào thực tiễn, có thể thấy vẫn còn những hạn chế đáng lưu ý. Chỉ 44% sinh viên cảm thấy tự tin khi giao tiếp với người nước ngoài và 42% tự tin khi sử dụng ngoại ngữ trong các tình huống thực tế. Dù đây không phải là những tỷ lệ quá thấp, nhưng chúng vẫn cho thấy số sinh viên thực sự sẵn sàng tham gia các tương tác quốc tế chưa đạt mức kỳ vọng. Đáng chú ý, có từ 32% đến 42% sinh viên lựa chọn phương án trung lập, thể hiện sự do dự, thiếu chắc chắn hoặc thiếu trải nghiệm thực tế trong môi trường đa văn hóa. Bên cạnh đó, khoảng 15% sinh viên tự đánh giá kỹ năng giao tiếp liên văn hóa của mình ở mức thấp, phản ánh rõ sự thiếu hụt về cơ hội thực hành, tiếp xúc trực tiếp và rèn luyện lâu dài trong các bối cảnh mang tính quốc tế.

Những dữ liệu trên cho thấy, mặc dù nhận thức và định hướng phát triển kỹ năng giao tiếp liên văn hóa của sinh viên đã có chuyển biến tích cực, song vẫn còn một khoảng trống lớn trong việc chuyển hóa những hiểu biết này thành kỹ năng thực hành vững chắc. Đặc biệt, đối với các nhóm ngành không chuyên về ngoại ngữ hoặc có ít cơ hội tiếp xúc với giảng viên và sinh viên quốc tế trong quá trình học tập, khoảng trống này càng dễ trở nên rõ nét hơn.

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy sinh viên đã bước đầu hình thành kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, thể hiện qua khả năng điều chỉnh hành vi, thái độ và sự chủ động tìm hiểu bối cảnh văn hóa trước khi tương tác. Đây là những tín hiệu tích cực, phản ánh định hướng đào tạo phù hợp của nhà trường. Tuy nhiên, mức độ tự tin khi sử dụng ngoại ngữ và tham gia giao tiếp quốc tế của sinh viên vẫn còn hạn chế, cùng với tỷ lệ đáng kể lựa chọn trung lập cho thấy sự thiếu trải nghiệm thực tiễn. Những hạn chế này chỉ ra rằng kỹ năng giao tiếp liên văn hóa vẫn cần được củng cố thông qua việc mở rộng cơ hội thực hành và tăng cường môi trường tương tác quốc tế trong quá trình đào tạo.

3.2.3. Thái độ toàn cầu

Biểu đồ 3. Thái độ hội nhập toàn cầu của sinh viên



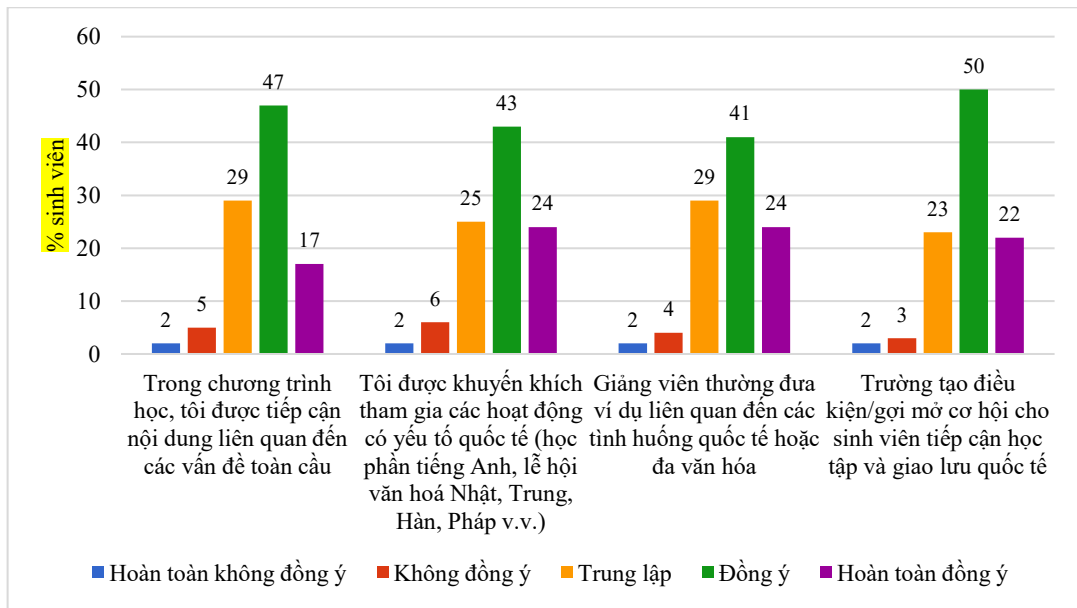
(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

Với câu hỏi liên quan đến hành vi- thái độ hội nhập toàn cầu, kết quả khảo sát cho thấy thái độ của sinh viên đối với toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế nhìn chung là tích cực, với điểm trung bình đạt 3.8/5 trên thang đo Likert. Điều này cho thấy phần lớn sinh viên đã có nhận thức và quan tâm nhất định đến các vấn đề mang tính toàn cầu. Cụ thể, khoảng 67% sinh viên cho biết họ chủ động cập nhật và theo dõi các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, di cư quốc tế, bình đẳng giới, và các vấn đề xã hội khác; đồng thời có xu hướng lựa chọn các hoạt động học tập, nghiên cứu hoặc hướng nghiệp có yếu tố quốc tế. Bên cạnh đó, nhiều sinh viên thể hiện mong muốn được đóng góp vào các sáng kiến vì cộng đồng toàn cầu, cho thấy tinh thần trách nhiệm vượt ra khỏi phạm vi địa phương hoặc quốc gia.

Tỷ lệ sinh viên thể hiện thái độ “rất tích cực” (mức 5/5) dao động từ 14% đến 40% tùy vào từng chỉ số khảo sát cụ thể, phản ánh sự khác biệt trong mức độ quan tâm và cam kết của từng cá nhân đối với các khía cạnh khác nhau của toàn cầu hóa. Mặt khác, chỉ khoảng 5% sinh viên thể hiện thái độ thờ ơ hoặc thiếu quan tâm, cho thấy tỷ lệ sinh viên chưa nhận thức được vai trò của bản thân trong bối cảnh toàn cầu là tương đối thấp. Những kết quả này phản ánh xu hướng tích cực trong cộng đồng sinh viên – đó là sự sẵn sàng hội nhập, mở rộng tầm nhìn quốc tế và nỗ lực khẳng định bản thân trên bình diện toàn cầu. Đây có thể là tín hiệu đáng khích lệ đối với các cơ sở giáo dục đại học trong việc tiếp tục thúc đẩy các chương trình giáo dục hướng đến đào tạo công dân toàn cầu.

3.2.4. Trải nghiệm thực tiễn

Biểu đồ 4. Trải nghiệm quốc tế của sinh viên trong quá trình học đại học



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

Với câu hỏi về trải nghiệm thực tiễn trong trường học, kết quả khảo sát cho thấy mức độ tiếp cận các yếu tố quốc tế trong môi trường học tập tại Trường Đại học Thăng Long được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình dao động từ 3.72 đến 3.87/5 trên thang đo Likert. Những con số này phản ánh rằng sinh viên đã có những điều kiện nhất định để tiếp cận với môi trường học tập có yếu tố toàn cầu, mặc dù mức độ còn chưa đồng đều giữa các khoa, bộ môn cũng như giữa các ngành học. Một trong những điểm sáng là tỷ lệ sinh viên từng học với giảng viên nước ngoài lên đến 60%. Đây là một con số tích cực, cho thấy nhà trường đã có những nỗ lực đáng kể trong việc quốc tế hóa đội ngũ giảng viên và tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc với các phương pháp giảng dạy và góc nhìn học thuật đa văn hóa.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiến triển đáng ghi nhận, cơ hội trải nghiệm thực tiễn mang tính quốc tế dành cho sinh viên vẫn còn khá hạn chế. Cụ thể, chỉ 20% sinh viên từng tham gia các chương trình trao đổi quốc tế – một tỷ lệ tương đối thấp so với mặt bằng chung của các trường đại học có định hướng hội nhập. Ngoài ra, chỉ 26% sinh viên từng tham gia các câu lạc bộ ngoại ngữ – môi trường quan trọng giúp rèn luyện kỹ năng giao tiếp, mở rộng cơ hội giao lưu và tương tác bằng ngoại ngữ. Tỷ lệ sinh viên từng có cơ hội giao lưu trực tiếp với sinh viên quốc tế cũng chỉ đạt mức 39%, cho thấy các hoạt động kết nối xuyên biên giới chưa được triển khai một cách hệ thống và thường xuyên.

Những hạn chế nêu trên phần nào lý giải vì sao kỹ năng giao tiếp quốc tế và mức độ tự tin của sinh viên khi tương tác trong môi trường đa văn hóa vẫn chưa thực sự cao. Dù sinh viên có nhận thức đúng đắn và thái độ tích cực đối với toàn cầu hóa, phần lớn vẫn chưa có đủ điều kiện để chuyển hóa nhận thức đó thành hành

động cụ thể và kỹ năng thực hành vững chắc. Nói cách khác, các hoạt động đào tạo tích hợp và trải nghiệm thực tế định hướng quốc tế trong nhà trường hiện nay còn hạn chế, chưa đáp ứng đủ nhu cầu phát triển năng lực công dân toàn cầu của sinh viên.

Các kết quả khảo sát thể hiện trong nghiên cứu này cho phép đưa ra kết luận: sinh viên đại học Thăng Long đã có những cơ hội nhất định để tiếp cận với môi trường học tập mang yếu tố quốc tế, điển hình là tỷ lệ cao được học với giảng viên nước ngoài, qua đó mở rộng tầm nhìn và trải nghiệm học thuật đa văn hóa. Đây là ưu điểm quan trọng, phản ánh nỗ lực của nhà trường trong tiến trình quốc tế hóa giáo dục. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên tham gia trao đổi quốc tế, câu lạc bộ ngoại ngữ và giao lưu trực tiếp với sinh viên quốc tế vẫn còn ở mức thấp, cho thấy điều kiện thực tiễn để rèn luyện và phát triển kỹ năng toàn cầu chưa thực sự đồng đều. Sự thiếu hụt này làm hạn chế khả năng chuyển hóa nhận thức và thái độ tích cực của sinh viên thành năng lực thực hành vững chắc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

3.3 Yếu tố toàn cầu trong chương trình đào tạo hiện hành: So sánh trong nước và quốc tế

Trường Đại học Thăng Long hiện đang có 24 ngành đào tạo bậc đại học, với một số học phần có liên quan đến việc bồi dưỡng năng lực công dân toàn cầu. Chẳng hạn, ngành Ngôn ngữ Anh có học phần "Tư duy phản biện" là môn học bắt buộc, cùng với các học phần như "Đất nước học Anh, Mỹ", "Tiếng Anh toàn cầu", "Giao tiếp giữa các nền văn hóa". Các ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Nhật Bản, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Việt Nam học, Du lịch và lễ hành cũng có các học phần liên quan đến văn hóa và đất nước đặc thù theo chuyên ngành. Ngoài ra, có hai học phần là "Giao tiếp liên văn hóa" và "Lịch sử văn minh thế giới" được giảng dạy ở một số ngành như Việt Nam học, Du lịch và lễ hành. Có thể thấy, việc tích hợp các yếu tố toàn cầu chủ yếu tập trung vào các học phần chuyên môn, chưa có sự đồng bộ trong toàn bộ chương trình đào tạo của 24 ngành nói chung. Đặc biệt, trong các học phần đại cương, gần như không có học phần chung để bồi dưỡng năng lực công dân toàn cầu. Điều này cho thấy sự thiếu hụt trong việc xây dựng một chương trình đào tạo toàn diện, hướng tới phát triển năng lực công dân toàn cầu cho sinh viên tại đại học Thăng Long. Tuy nhiên, một điểm sáng là các học phần tiếng Anh được giảng dạy nhiều, giúp sinh viên tự tin hơn trong các tình huống giao tiếp quốc tế.

Thực trạng nói trên càng đáng lo ngại khi so sánh Chương trình đào tạo của Đại học Thăng Long với các trường đại học trong nước và quốc tế. Ở trong nước, các trường thành viên của ĐHQGHN như Trường Quốc tế và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã chú trọng hơn trong việc tích hợp các yếu tố toàn cầu vào chương trình đào tạo. Đặc biệt, trường Quốc tế cung cấp các chương trình đào

tạo được giảng dạy bằng tiếng Anh được thiết kế dựa trên chương trình của các trường đại học lớn trên thế giới, nội dung chú trọng phát triển năng lực tư duy, khả năng thực hành và tự học của sinh viên. Ngoài ra, khoảng 20% học phần được giảng dạy bởi các giảng viên nước ngoài, tạo cơ hội cho sinh viên trải nghiệm quốc tế và tự tin hơn trong quá trình làm việc sau này. Trong khi đó, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn cũng hướng tới phát triển năng lực công dân toàn cầu nhưng chủ yếu thông qua các chương trình đào tạo của các ngành đặc thù như Quốc tế học, Đông phương học, với các học phần như "Quan hệ quốc tế", "Văn hóa thế giới", "Lịch sử thế giới".

Trên bình diện quốc tế, vấn đề đào tạo hướng tới phát triển năng lực toàn cầu cho sinh viên cũng được đặc biệt chú trọng. Đại học Yonsei (Hàn Quốc) xây dựng một hệ thống môn học đại cương đa dạng, bao quát nhiều lĩnh vực như văn học - nghệ thuật, con người - lịch sử, khu vực - thế giới..., trong đó, khối "Khu vực và thế giới" có các học phần tiêu biểu như "Toàn cầu hóa và văn hóa truyền thống Hàn Quốc", "Toàn cầu hóa và các vấn đề thế giới", "Quan hệ toàn cầu trong hòa bình và phát triển", "Lãnh đạo toàn cầu", "Lãnh đạo với nhận thức giới", "Hành trình khám phá Đông Á"... cùng nhiều môn về luật, kinh tế và văn hóa các quốc gia. Các học phần này được thiết kế theo định hướng giáo dục khai phóng, giúp sinh viên tiếp nhận kiến thức nền tảng đa chiều, hiểu sâu lĩnh vực chuyên môn, đồng thời mở rộng nhận thức về các lĩnh vực liên quan. Trước khi vào học chuyên ngành, sinh viên được trang bị tư duy phản biện, hiểu biết đa văn hóa và kỹ năng lãnh đạo- những năng lực cốt lõi để trở thành công dân toàn cầu.

Tại Đại học Kyung Hee (Hàn Quốc), học phần giáo dục đại cương được chia theo ba nhóm chính bao gồm các môn bắt buộc như "Khám phá giá trị con người", "Công dân và thế giới", "Từ Big Bang đến văn minh", nghiên cứu các chủ đề, tiếng Anh đại học. Ngoài ra trường cũng mở các môn đại cương theo chủ đề lớn như "Sinh mệnh-vũ trụ-con người", "Phân tích-suy luận-logic", "Biểu tượng-văn hoá-giao tiếp", "Xã hội-cộng đồng-hòa bình", "Trí tuệ-thông tin-tương lai". Chỉ cần nhìn tên học phần và các chủ đề lớn trong hệ thống các môn đại cương cũng có thể thấy đại học Kyung Hee không những chú trọng trang bị kiến thức nền tảng mà còn phát triển tư duy đa chiều, khả năng giao tiếp và nhận thức vai trò công dân toàn cầu ngay từ năm thứ nhất bậc đại học.

Trong khi các trường Đại học Yonsei và Đại học Kyung Hee của Hàn Quốc đã xây dựng hệ thống học phần đại cương phong phú, lồng ghép yếu tố toàn cầu một cách đồng bộ và bắt buộc cho toàn bộ sinh viên, thì Đại học Thăng Long hay ĐHKHXH&NV hiện mới tích hợp học phần có yếu tố toàn cầu chủ yếu ở các học phần chuyên ngành đặc thù. Điều này dẫn đến việc thiếu một nền tảng giáo dục chung giúp toàn bộ sinh viên phát triển đầy đủ các năng lực của công dân toàn cầu như tư duy phản biện, hiểu biết đa văn hóa, kỹ năng lãnh đạo và khả năng thích ứng

trong môi trường quốc tế. Vì vậy, để nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu hội nhập, Đại học Thăng Long cần thiết kế một hệ thống chung các môn học đại cương có định hướng phát triển năng lực toàn cầu và giảng dạy cho tất cả các ngành, qua đó đảm bảo sinh viên khi tốt nghiệp đều sở hữu năng lực, tầm nhìn và trách nhiệm của một công dân toàn cầu.

4. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Giải pháp từ phía Nhà trường

Từ kết quả khảo sát cho thấy sinh viên Trường Đại học Thăng Long còn những hạn chế đáng kể trong kỹ năng thực hành và trải nghiệm thực tiễn, tuy đã có nhận thức đúng đắn và thái độ tích cực đối với toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, nhà trường cần có những chiến lược cải tiến mang tính hệ thống và dài hạn nhằm phát triển năng lực công dân toàn cầu một cách toàn diện, hiệu quả và bền vững. Việc phát triển năng lực này không nên chỉ dừng lại ở các chương trình ngoại khóa hay hoạt động ngắn hạn, mà cần được lồng ghép có chủ đích vào chương trình đào tạo chính khóa.

Thứ nhất, bước đầu xây dựng học phần bắt buộc liên ngành dành cho tất cả sinh viên năm thứ nhất hoặc năm thứ hai như “Tư duy toàn cầu và hội nhập”, “Giáo dục công dân toàn cầu” tương tự như Đại học Yonsei xây dựng khối “Khu vực và thế giới”. Học phần cần tích hợp lý thuyết về GCED như toàn cầu hóa, giao tiếp liên văn hóa, phát triển bền vững và phần thực hành bao gồm phân tích tình huống, dự án nhóm, thảo luận. Các chuyên đề từ chương trình Eurasia Foundation được thực hiện tại Đại học Thăng Long có thể đưa vào chương trình chính khóa để tăng tính liên ngành và thực tiễn.

Thứ hai, mở rộng cơ hội học tập trải nghiệm và quốc tế hóa “tại chỗ” thông qua lớp học với giảng viên quốc tế, tọa đàm chuyên môn bằng ngoại ngữ, kết nối trực tuyến với sinh viên trường đối tác, công nhận tín chỉ từ các khóa học mở MOOCs, giúp sinh viên Việt Nam tiếp cận môi trường đa văn hóa mà không cần đi du học.

Thứ ba, tổ chức các hoạt động thực hành có yếu tố quốc tế thông qua giao lưu học thuật với các trường đối tác ở nước ngoài, doanh nghiệp nước ngoài hoặc dự án cộng đồng đa văn hóa. Các hình thức như nghiên cứu chung với sinh viên quốc tế hay thực tập xuyên biên giới sẽ giúp sinh viên rèn kỹ năng thực tiễn và tự tin hơn trong môi trường toàn cầu.

Cuối cùng, bồi dưỡng giảng viên về giáo dục công dân toàn cầu, qua đó giảng viên có thể lồng ghép dần yếu tố toàn cầu vào các môn học đang phụ trách. Đây là

giải pháp chiến lược giúp lan tỏa tư duy toàn cầu mang tính xuyên suốt, thay vì chỉ tập trung ở một vài học phần mới.

Tóm lại, việc học hỏi mô hình đào tạo khai phóng và toàn cầu hóa của các trường tiên tiến, kết hợp việc điều chỉnh phù hợp với bối cảnh Việt Nam, sẽ giúp Đại học Thăng Long xây dựng được hệ thống đào tạo công dân toàn cầu hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ hội nhập sâu rộng.

Giải pháp từ phía sinh viên

Bên cạnh các chương trình đào tạo chính quy và hoạt động hỗ trợ từ phía nhà trường, sinh viên Thăng Long cũng cần chủ động hơn trong việc tiếp cận các nguồn học tập quốc tế để bồi dưỡng và phát triển năng lực công dân toàn cầu. Một trong những hình thức học tập hiệu quả, linh hoạt và dễ tiếp cận là tham gia các khóa học mở trực tuyến (MOOCs) trên các nền tảng giáo dục quốc tế uy tín như edX, Coursera, FutureLearn hoặc FUNiX. Các nền tảng này cung cấp hàng nghìn khóa học chất lượng cao từ các trường đại học hàng đầu thế giới, với nội dung phong phú liên quan đến toàn cầu hóa, phát triển bền vững, giao tiếp liên văn hóa, tư duy phản biện và các kỹ năng công dân thế kỷ 21 – vốn là những thành tố cốt lõi của năng lực toàn cầu. Đặc biệt, hầu hết các khóa học đều cho phép học viên linh hoạt về thời gian và tốc độ học tập, rất phù hợp với lịch trình của sinh viên Việt Nam, đồng thời góp phần hình thành thói quen học tập suốt đời – một năng lực thiết yếu trong thời đại tri thức số.

Ngoài ra, sinh viên có thể tham gia khóa học thuộc chương trình Erasmus+ hoặc khóa học "Unleash Your Potential: Global Citizenship" trên nền tảng FutureLearn, do Đại học Bristol (University of Bristol) thiết kế và giảng dạy. Khóa học này không chỉ giới thiệu các lý thuyết nền tảng về công dân toàn cầu, mà còn giúp người học rèn luyện tư duy phản biện, phát triển khả năng tiếp cận đa chiều các vấn đề quốc tế, và nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm xã hội.

Sinh viên cũng có thể tự tạo dựng môi trường học tập toàn cầu hóa ngay khi còn học tại Đại học Thăng Long thông qua những hành động cụ thể như: thường xuyên cập nhật các nguồn tin tức quốc tế từ nhiều kênh và quốc gia khác nhau để nâng cao năng lực tiếp cận thông tin đa chiều; tham gia các diễn đàn sinh viên quốc tế, các nhóm học thuật ngoài trường hoặc cộng đồng trực tuyến chuyên sâu về các chủ đề toàn cầu và tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện trong môi trường đa văn hóa. Những hình thức này không chỉ giúp sinh viên nâng cao vốn hiểu biết và khả năng sử dụng ngoại ngữ, mà còn là cơ hội để rèn luyện kỹ năng giao tiếp liên văn hóa trong các tình huống thực tế – điều mà các lớp học lý thuyết thuần túy khó có thể cung cấp đầy đủ.

Quan trọng hơn, để thực sự trở thành công dân toàn cầu, sinh viên Thăng Long cần nuôi dưỡng một thái độ học tập chủ động, tinh thần cầu thị, và tư duy cởi mở với sự khác biệt. Việc đón nhận đa dạng văn hóa, vượt qua định kiến và sẵn sàng học hỏi từ những giá trị khác biệt không chỉ là biểu hiện của năng lực cá nhân, mà còn là một yêu cầu tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Đây không chỉ là trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với quá trình tự hoàn thiện, mà còn là nền tảng để sinh viên Thăng Long nói riêng và thế hệ trẻ Việt Nam nói chung hội nhập hiệu quả, khẳng định vai trò và vị thế của mình trong cộng đồng quốc tế.

5. KẾT LUẬN

Dựa trên kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định sinh viên Trường Đại học Thăng Long đã hình thành nhận thức và thái độ tích cực đối với các vấn đề toàn cầu, tuy nhiên năng lực thực hành và trải nghiệm quốc tế vẫn còn hạn chế. Vì vậy, nhà trường cần chủ động xây dựng hệ thống các học phần đại cương nhằm trang bị và nâng cao năng lực công dân toàn cầu cho tất cả sinh viên; đồng thời khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động học thuật, ngoại khóa và dự án cộng đồng có yếu tố quốc tế. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ, mời giảng viên nước ngoài, cũng như tạo môi trường học tập đa văn hóa sẽ giúp sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng, mở rộng tầm nhìn và phát triển tư duy toàn cầu. Những giải pháp này không chỉ góp phần nâng cao năng lực cá nhân của sinh viên về kiến thức, kỹ năng và thái độ, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành thế hệ công dân toàn cầu năng động, sáng tạo, có trách nhiệm với xã hội, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước cũng như cộng đồng quốc tế.

Ghi chú

Bài báo thuộc khuôn khổ chương trình Eurasia: Góc nhìn Châu Á trong kỷ nguyên toàn cầu: Bản sắc, Hội nhập và Đổi mới tại Trường Đại học Thăng Long, năm học 2024-2025

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bảo Anh. (2018). Hành trang hội nhập quốc tế của sinh viên Việt Nam. Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam. <https://doanthanhnien.vn/tin-tuc/hoi-sinh-vien-viet-nam/hanh-trang-hoi-nhap-quoc-te-cua-sinh-vien-viet-nam>

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.

Bùi Diệu Quỳnh.(2019). Nghiên cứu giáo dục công dân toàn cầu của một số quốc gia Châu Á. Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam. http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/bai_so_20_-_so_17_thang_5.2019.pdf

Bùi Lan Hương. (2024). Xu thế công dân toàn cầu và vấn đề đặt ra đối với việc giáo dục công dân toàn cầu ở Việt Nam hiện nay. Chuyên san Khoa học giáo dục. <https://sjes.hpu2.edu.vn/index.php/journal/article/view/588/218>

Hoàng Hà. (2024). World Bank: Giáo dục đại học của Việt Nam “chưa thực chất” chuẩn bị cho nguồn nhân lực công nghệ cao. VnEconomy. <https://vneconomy.vn/world-bank-giao-duc-dai-hoc-cua-viet-nam-chua-thuc-chat-chuan-bi-cho-nguon-nhan-luc-cong-nghe-cao.htm>

Hyperspace. (2025). Cultural Competence in Global Companies. <https://hyperspace.mv/cultural-competence-in-global-companies>

Lu Tùng Thanh, Nguyễn Thành Nhân. (2016). Cơ sở khoa học của vấn đề phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên trong chương trình đào tạo đại học. Tạp chí Khoa học giáo dục, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp.HCM.

Maia, C., & McCowan, T. 2020). Higher education and the Sustainable Development Goals. Springer. <https://link.springer.com/article/10.1007/s10734-020-00652-w>

Nghiêm Huê (2016). Nữ giáo sư kể chuyện mở trường đại học tư đầu tiên ở Việt Nam. https://tienphong.vn/nu-giao-su-ke-chuyen-mo-truong-dai-hoc-tu-dau-tien-o-viet-nam-post917392.tpo?utm_source=chatgpt.com

NIAD-QE. 2019). Overview of the Higher Education and Quality Assurance Systems Japan (3rd ed.). National Institution for Academic Degrees and Quality Enhancement of Higher Education. https://www.niad.ac.jp/media/008/201909/overview_JP_en_3rd.pdf

Nguyen Hoài Khanh. (2023). Phát triển văn hoá trường đại học trong bối cảnh toàn cầu hoá. Tạp chí Thiết bị Giáo dục.

OECD. (2018). PISA 2018 Global Competence. Organisation for Economic Co-operation and Development. <https://www.oecd.org/en/topics/sub-issues/global-competence/pisa-2018-global-competence.html>

OECD. (2025). Students' career aspirations do not reflect education plans or labour market demand, says OECD. Organisation for Economic Co-operation and Development. <https://www.oecd.org/en/about/news/press-releases/2025/05/the-state-of-global-teenage-career-preparation.html>

Quyết định số 404/QĐ-TTg. (2015), Phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, Thủ tướng Chính phủ.

Trần Thị Minh Tuyết. (2022). Đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. Tạp chí Cộng sản.https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghiencu//2018/825408/vi-ew_content

Reimers, F. M. (2009). Educating for Global Competency. Harvard University. <https://www.researchgate.net/profile/Fernando-Reimers/publication/314934070>

Tia Sáng. (2015). Tổng kết nghiên cứu về phương hướng cải cách đại học ở Việt Nam (Kỳ I). <https://tiasang.com.vn/giao-duc/tong-ket-nghien-cuu-ve-phuong-huong-cai-cach-dai-hoc-o-viet-nam-ky-i-8731>

Trường Đại học KHXH&NV-ĐHQGHN. Khung chương trình đào tạo. https://ussh.vnu.edu.vn/vi/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-chuan/chuong-trinh-dao-tao-chuan-20666.html?utm_source=chatgpt.com

Trường Đại học Kyung Hee. Các học phần đại cương. https://hc.khu.ac.kr/hc_kor/user/contents/view.do?menuNo=4300014

Trường Đại học Thăng Long. (2024). Khung chương trình đào tạo đại học các ngành của Trường Đại học Thăng Long. <https://thanglong.edu.vn/quyet-dinh-ban-hanh-khung-chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-cac-nganh-cua-truong-dai-hoc-thang-long-nam-2024-20942.html>

Trường Đại học Thăng Long. (2025). Khoá học Eurasia: Góc nhìn Châu Á trong kỉ nguyên toàn cầu. <https://thanglong.edu.vn/chu-tich-quy-eurasia-tham-va-giang-chuyen-de-tai-truong-dai-hoc-thang-long-21295.html>17. UN Global Compact. (n.d.). Social Sustainability. <https://unglobalcompact.org/what-is-gc/our-work/social>

Trường Đại học Yonsei Hàn Quốc. Các môn học đại cương. https://universitycollege.yonsei.ac.kr/fresh/refinement/course_necessary06.do

Trường Quốc tế - ĐHQGHN. Chương trình đào tạo. https://www.is.vnu.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-do-dhqghn-cap-bang/?utm_source=chatgpt.com

UNESCO. (2015). Global citizenship education: topics and learning objectives. (<https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000232993>)

UNESCO. (2025). What you need to know about global citizenship education. <https://www.unesco.org/en/global-citizenship-peace-education/need-know>

United Nations. (n.d.). The 17 Sustainable Development Goals. <https://sdgs.un.org/goals1>. University of Bristol. (2024). Unleash Your Potential: Global Citizenship [Online course]. FutureLearn. <https://www.futurelearn.com/courses/global-citizenship/22>

Thanh Nam. (2023). Làm gì để trở thành công dân toàn cầu?: Những năng lực cần có. <https://thanhvien.vn/lam-gi-de-tro-thanh-cong-dan-toan-cau-nhung-nang-luc-can-co-185230911212015099.htm>

Vinschool.(2023). Giáo dục công dân toàn cầu là gì? Nội dung, vai trò, lợi ích của môn học này.https://vinschool.edu.vn/news_event/tim-hieu-mon-hoc-dac-thu-tai-vinschool-phan-2-cong-dan-toan-cau-gced/?utm_source=chatgpt.com

Winston Sieck. (2025). Cultural Competence: What, Why, and How. Global Cognition. <https://www.globalcognition.org/cultural-competence/>